

## Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Nước Việt Nam, theo truyền thống văn hóa, nằm trong xã hội Trung Hoa và chịu ảnh hưởng văn hóa của Tàu. Về phương diện tôn giáo, Phật giáo và Lão giáo đã ăn sâu vào đại chúng. Nhưng, cũng như ở Trung Hoa, sự phủ nhận đời sống hiện tại của hai giáo lý này đã được luân lý xã hội của Khổng Mạnh quân bình. Nhờ đó mà có thể nói rằng quần chúng Việt Nam sẵn sàng tham gia một công cuộc phát triển dân tộc. Nếu có trở lực, thì chắc chắn trở lực không phải ở chỗ tiềm thức của dân tộc quá thiên về các giáo lý phủ nhận đời sống, nhưng mà ở chỗ xã hội chúng ta bị tan rã, nên các tín hiệu tập hợp không còn, dù là các tín hiệu tập hợp lấy trong giáo điều của luân lý Khổng Mạnh.



Sau thời kỳ Pháp thuộc, và sau một công cuộc Tây phương hóa không có lãnh đạo, một thiểu số đáng kể đã theo Thiên Chúa giáo. Theo sự kiện phân tích trên đây thiểu số tín đồ Thiên Chúa giáo, sẽ đóng góp một sự tham gia tích cực vào công cuộc phát triển dân tộc. Bởi vì, trước hết, ảnh hưởng quân bình của luân lý Khổng Mạnh đã chế bớt rất nhiều xu hướng trốn tránh cuộc đời của những tín đồ Phật giáo. Lẽ thứ hai là ngay trong Phật giáo cũng có hai thái độ. Thái độ xuất thế, để tìm sự cứu rỗi cho bản thân, không phải trong đời sống này mà cho đời sống bên kia thế giới. Thái độ nhập thế, để tìm cách cứu độ chúng sanh ngay trong cõi đời này. Tuy nhiên suy nghiệm theo lời nguyện của các vị Bồ Tát, hiện thân của thái độ nhập thế, thì mục đích của sự nhập thế này, không phải làm để giúp cho chúng sanh giải quyết các vấn đề vật chất ngay trong đời sống này, nhưng mà để độ chúng sanh khỏi kiếp luân hồi, nghĩa là để thoát khỏi cuộc đời này. Như thế thì ngay trong thái độ nhập thế đã hàm một hậu ý xuất thế. Sự kiện này làm bộc lộ một cách rõ rệt mâu thuẫn nội tâm, về đời sống, mà chúng ta đã nói ở một đoạn trên. Nhưng dù sao thái độ nhập thế đã là một thái độ công nhận đời sống hơn là thái độ xuất thế. Và do đó, trong công cuộc phát triển dân tộc, thái độ nhập thế của các vị Bồ Tát sẽ thích hợp với nhu cầu quốc gia hơn. Nhưng sự kém sống mạnh, có thể dẫn dắt đến một sự tham gia thiếu tích cực vào công cuộc phát triển dân tộc, của các tín đồ Phật giáo, vẫn nằm ở mâu thuẫn nguyên lai, phủ nhận đời sống hiện tại, của giáo lý nhà Phật.

## Hai cơ hội phát triển

Trong các giai đoạn trên chúng ta nhiều lần nói đến hai cơ hội phát triển cho các quốc gia thuộc xã hội Đông Á.

Dưới đây chúng ta sẽ tìm xem:

## PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

\* Như thế nào là một cơ hội phát triển.

\* Và hoàn cảnh nào tạo ra cơ hội phát triển.

Xét lại lịch sử các cuộc phát triển dân tộc bằng cách Tây phương hóa đã thành công như trường hợp của Nhật, của Nga, đã phân nửa thành công như của Thổ Nhĩ Kỳ, sở dĩ các công cuộc đó thực hiện được là vì có một sự đồng thời hiếm có của hai loại sự kiện. Loại thứ nhất, liên hệ đến tình trạng nội bộ của mỗi quốc gia, có thể gọi là sự kiện chủ quan.

Loại thứ hai, liên hệ đến hoàn cảnh bên ngoài, do tình trạng chính trị của thế giới lúc bấy giờ tạo ra, và có thể gọi là sự kiện khách quan.

Trong số các sự kiện chủ quan, các đoạn trên đây đã cho chúng ta thấy rằng có hai sự kiện quan hệ nhất. Trước hết là sự có mặt, trong những giờ phút nghiêm trọng, và tại các giềng mối của bộ máy quốc gia, của những lãnh đạo, đủ sáng suốt, để nhận thức sự cần thiết của công cuộc Tây phương hóa để phát triển dân tộc. Điều thứ hai là dân chúng có một tâm trạng sẵn sàng hưởng ứng công cuộc Tây phương hóa do người lãnh đạo đề xướng.

Các điều kiện khách quan lại thuộc về một loại cụ thể hơn. Như chúng ta đã thấy trên đây, công cuộc Tây phương hóa đòi hỏi rất nhiều kỹ thuật, vì, chính trọng tâm của công cuộc Tây phương hóa là hấp thụ những kỹ thuật và khoa học Tây phương. Nhưng ngoài kỹ thuật ra, công cuộc Tây phương hóa còn đòi hỏi rất nhiều vốn để xây dựng các kỹ nghệ căn bản làm cơ sở phát triển cho các kỹ nghệ sản xuất, rất nhiều vốn để trang bị các cơ sở chính trị, quân sự, văn hóa và xã hội, trong khi các lợi tức của quốc gia chưa thỏa mãn được nhu cầu của dân tộc.

Kỹ thuật phải hoàn toàn ở ngoài đưa vào, đại đa số vốn phải ở ngoài đưa vào. Điều kiện khách quan được thỏa mãn, khi nào tình hình chính trị thế giới tạo một hoàn cảnh thuận tiện để cho kỹ thuật và vốn được đưa vào để giúp cho công cuộc Tây phương hóa.

Như vậy thì, cơ hội đối với các nước đang tìm phát triển, như chúng ta ngày nay, là khi nào hoàn cảnh bên ngoài, thuận tiện để cho kỹ thuật và vốn được đưa vào. Nằm được cơ hội hay không là do hai điều kiện nội bộ, như trên vừa kể ra.

### **Cơ hội thứ nhất**

Vào khoảng các năm 30 của thế kỷ 19, sự phát triển và bành trướng của cường quốc Âu châu đã lên đến một mức độ tối cao. Trong nội bộ, những phát minh mới về khoa học và kỹ thuật đã tạo cho các quốc gia trong xã hội Tây phương một sự tự tin dững mãnh. Tín ngưỡng Gia Tô giáo đã hướng dẫn công cuộc chinh phục thế giới của văn minh Tây phương trong năm thế kỷ vừa qua. Sau đó, nhiều phát minh của khoa học lại tạo cho xã hội Tây phương một sinh lực mới, có phần dồi dào hơn sinh lực cũ do tín ngưỡng đã hun đúc trong nhiều thế kỷ. Trên phương diện thực tế, những thực hiện kỹ nghệ và kỹ thuật đã đặt trong tay các cường quốc Tây phương những khí giới chiến đấu có một sức mạnh chưa bao giờ thấy.

Dưới sự thúc đẩy của các sự kiện trên, và, sau khi củng cố địa vị ở đại lục Ấn Độ và các quần đảo Nam Dương và Phi Luật Tân, bao vây các quốc gia thuộc xã hội Đông Á, các cường quốc Tây phương bắt đầu tấn công ngay vào các quốc gia này. Năm 1842 người Anh

## PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

gây chiến tranh Nha Phiến ở Trung Hoa và mở màn cho một cuộc tổng tấn công vào xã hội Đông Á. Sự dùng võ lực để mở hải cảng Uruga của Nhật năm 1853 của Đại tá Hải quân Mỹ Perry và cuộc pháo kích Đà Nẵng năm 1856 của chiến thuyền Catinat của Pháp đều là những sự kiện đồng thời và do một nguyên nhân sanh ra.

Đứng trước mối nguy cơ chung, các quốc gia, thuộc xã hội Đông Á, có những phản ứng tự vệ khác nhau, như chúng ta đã biết. Nguy cơ tuy lớn lao thật, nhưng, đồng thời, lại là một cơ hội để Tây phương hóa, phát triển dân tộc. Bởi vì, sự bành trướng mạnh mẽ của hai Đế quốc Anh và Pháp, vừa là một nguồn mâu thuẫn giữa, một bên, hai đế quốc lớn, một bên, các quốc gia khác ở Tây phương. Thêm vào đó, nước Mỹ, vừa chấn chỉnh xong nội bộ quốc gia, cũng bắt đầu găm ghé thực hiện ý định có mặt ở Thái Bình Dương.

### **Mâu thuẫn tạo cơ hội**

Tất cả các mâu thuẫn chằng chịt đó là cơ hội cho các quốc gia bị tấn công, để Tây phương hóa, phát triển dân tộc và bảo vệ chủ quyền của mình. Những mâu thuẫn trên đã tạo ra một hoàn cảnh chính trị thế giới, làm cho công cuộc xâm lăng, chiếm đóng thật sự trở thành một việc vô cùng khó khăn, và vạn bất đắc dĩ. Nếu bây giờ, sự lãnh đạo quốc gia được phần nào sáng suốt và hàng ngũ xã hội được bền chặt, thì, đương nhiên các mâu thuẫn trên đã trở thành những đồng minh, giúp cho các nước bị tấn công, bảo tồn sự độc lập của mình. Hơn thế nữa, các mâu thuẫn trên, nghĩa là sự tranh giành ảnh hưởng giữa các đê quốc, sẽ mang lại kỹ thuật và vốn tư bản, để cho các nước bị tấn công thực hiện công cuộc phát triển dân tộc của mình.

Cơ hội đã như vậy đó, nhưng, trong các quốc gia bị tấn công, chỉ có Nhật Bản là có đủ điều kiện chủ quan để nắm cơ hội do các điều kiện khách quan đưa đến. Sự thành công của các nhà lãnh đạo Nhật Bản như thế nào, tất cả chúng ta đều biết.

Điều kiện chủ quan của quốc gia Trung Hoa, lúc bấy giờ, không có, bởi vì, người cầm quyền lại thuộc một dân tộc ngoại lai, mà người Trung Hoa oán ghét. Chẳng những thế, với thời gian, lịch sử còn chứng minh sự thiếu sáng suốt của các nhà lãnh đạo Mãn Thanh lúc bấy giờ. Tuy nhiên, những mâu thuẫn nội bộ giữa các cường quốc Tây phương cũng đã, đương nhiên, bảo vệ độc lập, ít ra, trên danh từ, cho Trung Hoa và tránh cho quốc gia này một sự thống trị trực tiếp như Việt Nam. Nhưng Trung Hoa cũng đã bỏ lỡ cơ hội thứ nhất để phát triển.

Hoàn cảnh nội bộ của Việt Nam lại càng bi đát hơn nữa.

Sau một cuộc nội chiến, tàn khốc và tiêu hao, kéo dài từ năm 1620 đến năm 1802, nhà Nguyễn vừa thống nhất quốc gia được bốn mươi năm, thì họa xâm lăng Tây phương lại ồ ạt kéo đến. Những điều kiện chủ quan, như trên đã trình bày, quốc gia Việt Nam hoàn toàn không có. Nhân tâm còn ly tán, chính trị của nhà Nguyễn không thấu phục được lòng dân, nội loạn không lúc nào dứt. Các nhà lãnh đạo của chúng ta, lại không kịp thời nhận thức vấn đề của dân tộc, trong một giai đoạn quyết liệt. Các tài liệu lịch sử về sự lãnh đạo quốc gia, trong thời kỳ này còn giữ lại, không thấy đề cập đến vấn đề Tây phương hóa. Nhiều nhân vật có để lại những bản sớ, nói về tính cách cần thiết của sự thu thập kỹ thuật Tây phương, nhưng không thấy đề cập đến một công cuộc Tây phương hóa, như người Nhật quan niệm

## PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

lúc bấy giờ. Chính những chương trình do ông Nguyễn Trường Tộ đề nghị mặc dù có những kiến thức rất tiên bộ và sáng suốt, cũng vẫn là một chủ trương cải cách nhút nhát. Nếu có mang ra mà thi hành, thì có lẽ, cũng chỉ dẫn dắt đến một cuộc Tây phương hóa thất bại mà thôi, vì điều kiện chủ quan hoàn toàn không rõ rệt và rất sơ sài.

Hơn nữa, các tài liệu lịch sử, trong giai đoạn quyết liệt này, không thấy có ý thức gì về các mâu thuẫn giữa các cường quốc Tây phương. Trong khi đó, chính các mâu thuẫn này là lợi khí sắc bén nhất, trong cơ hội đưa đến cho chúng ta. Vì thế cho nên, ví dầu mà chương trình của Nguyễn Trường Tộ có đem ra thực hiện, thì tính cách ấu trĩ của thuật ngoại giao của chúng ta, lúc bấy giờ, cũng không cho phép chúng ta thực hiện được công cuộc phát triển dân tộc. Xem thế, chúng ta càng nhận thấy kiến thức hẹp hòi của các nhà lãnh đạo lúc bấy giờ, và quan niệm chưa trưởng thành của họ về việc lãnh đạo quốc gia.

Các sự kiện trên càng làm bộc lộ rõ rệt quan niệm, Việt Nam là một thuộc quốc đối với Trung Hoa, của các nhà lãnh đạo lúc bấy giờ. Sự thiếu sót về ngoại giao trên đây, do một quan niệm thấp và hẹp về ý thức độc lập, là nguyên nhân chính làm cho chúng ta không lợi dụng được các mâu thuẫn, giữa các cường quốc Tây phương, để bảo vệ độc lập và chủ quyền cho dân tộc. Trong khi đó Thái Lan, lúc bấy giờ là Xiêm, mặc dầu không thực hiện được cuộc phát triển dân tộc nhưng ít ra, cũng cứu vãn được độc lập bằng cách khai thác các mâu thuẫn giữa các cường quốc.

Cơ hội thứ nhất đã lỡ, hậu quả của sự lỡ cơ hội tai hại như thế nào, dân tộc chúng ta đã ghi vào xương máu bài học kinh nghiệm đắt giá đó. Nhưng, giá hết sức cao mà chúng ta đã phải trả, để mua kinh nghiệm lỡ cơ hội lần thứ nhất, có đủ để làm cho các nhà lãnh đạo, đương thời của chúng ta, nhận thức sự cần thiết phải vận dụng hết nỗ lực để nắm cho được cơ hội thứ hai, đang đến với chúng ta, để phát triển dân tộc không?

Cơ hội thứ nhất đến ngay vào lúc những mâu thuẫn giữa các quốc gia Tây phương đi vào một giai đoạn rất gay gắt.

Sự tranh giành ảnh hưởng đã đến một trình độ hết sức căng thẳng giữa các đế quốc Anh, Pháp, Đức và Nga. Các yếu tố quân bình, trong khung cảnh chính trị cổ truyền của Âu châu, được mang áp dụng giữa các cường quốc đi chinh phục. Hòa ước Bắc Kinh, ký kết năm 1861 giữa Trung Hoa và các cường quốc chiến thắng, là một tài liệu thừa nhận sự phân chia nước Tàu làm nhiều vùng ảnh hưởng giữa các đế quốc.

Nhưng, đồng thời và trước hết, đó là một tài liệu chứng tỏ sự cạnh tranh quyết liệt giữa các cường quốc Tây phương.

Tuy nhiên, với sự biến chuyển của tình hình chính trị, các mâu thuẫn có thể tạm thời dẹp một bên bằng những thỏa hiệp. Đối với các quốc gia bị Tây phương tấn công, đó là lúc mà cơ hội mất. Riêng đối với Việt Nam thì cơ hội đã mất, ngay khi chủ quyền đã mất.

### **Cơ hội thứ hai**

Gần một thế kỷ sau, mâu thuẫn nội bộ giữa các cường quốc Tây phương lại bộc phát lên một cách dữ dội và dẫn dắt đến hai cuộc thế giới chiến tranh mà chúng ta đều biết.

## PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

Chiến tranh chưa chấm dứt, sự tranh chấp, giữa hai quốc gia đã chiến thắng trong trận thế chiến thứ hai, nay lãnh đạo hai khối chính trị trên thế giới, đã tạo ra cho các quốc gia, bị Tây phương xâm chiếm một cơ hội duy nhất để tranh giành độc lập và phát triển dân tộc. Sự tranh chấp giữa Nga Sô và khối Tây phương ngày nay, là hiện trạng của một cuộc tranh đấu không ngừng đã diễn ra từ hơn bốn trăm năm nay. Lúc gay cấn đến xảy ra chiến tranh, lúc ngấm ngấm, khi bên này thắng, bên kia thua, cuộc tranh đấu không bao giờ ngừng vì những lý do mà chúng ta đã tìm hiểu trong nhiều đoạn ở trên.

Sở dĩ mà ngày nay, cuộc tranh chấp trở thành vĩ đại và bao trùm hết thế giới và mọi lĩnh vực của đời sống, là vì, như chúng ta đã thấy trong các chương đầu của tập này, lúc mở màn cho giai đoạn hiện tại, vị trí của hai bên như sau đây:

Tây phương, lúc bấy giờ, chiếm gần hết thế giới. Thuộc địa của những đế quốc Tây phương nằm khắp năm đại lục.

Lực lượng quân sự của Tây phương đóng giữ các vị trí chiến lược hiểm trở trên địa cầu. Chiến thuyền của Tây phương tung hoành, rẽ sóng bốn biển. Lưới kinh tế của Tây phương bủa vây thế giới.

Đối với một địch thủ, nắm trong tay một lực lượng kinh khủng như vậy, nếu Nga Sô tiếp tục chiến đấu theo quan niệm cổ truyền, và đóng khung nỗ lực của mình trong giới hạn lãnh thổ Nga, thì chắc chắn đã nắm phần bại về mình, ngay từ lúc chưa ra quân. Bởi vì, một chiến lược như thế có nghĩa là Nga Sô sẽ bị Tây phương siết chết trong một vòng vây không lối thoát. Các nhà lãnh đạo Nga Sô, ngay khi cách mạng tháng Mười ở Mạc Tư Khoa chưa bùng nổ, đã đủ sáng suốt để nhận thức rằng, muốn tiếp tục công cuộc chiến đấu của dân tộc một cách thắng lợi, điều kiện tiên quyết, là phải đưa chiến lược lên một lãnh vực bao trùm khắp thế giới, bởi vì địch thủ đã áp dụng một chiến lược bao quát như vậy.

Ngày nay cuộc chiến đấu vĩ đại vượt lên cả không gian, và lâm le thâm gồm vào vòng chiến lược các hành tinh của Thái Dương hệ, cũng vì lẽ, không một địch thủ nào muốn để cho bên kia bao vây mình.

Trở lại lúc đầu giai đoạn hiện tại của cuộc chiến đấu giữa Nga Sô và Tây phương, sở dĩ Nga Sô, lúc bấy giờ, quan niệm và thực hiện được một chiến lược mệnh mông, như nói trên, là nhờ ở những điều kiện dưới đây:

### **Mâu thuẫn nội bộ**

Trước hết những mâu thuẫn nội bộ giữa các đế quốc Tây phương lúc nào cũng có. Chính những mâu thuẫn này, trong những giai đoạn khủng hoảng, đã gây ra hai cuộc thế giới chiến tranh vừa qua.

Thuyết Các-mác Lê-nin lúc nào cũng nhắc đến các mâu thuẫn này và xem đó là đặc tính của xã hội tư bản. Và theo thuyết ấy, chính các mâu thuẫn đó sẽ đưa xã hội tư bản đến chỗ chết. Nếu chúng ta đồng ý với thuyết trên, về sự có mặt của các mâu thuẫn nội bộ nói đây trong xã hội tư bản, thì, chúng ta lại nên thêm rằng, những mâu thuẫn nội bộ tương tự sẽ có, không cứ gì trong xã hội tư bản, mà, bất cứ trong xã hội nào gồm nhiều phần tử mà quyền lợi bất đồng. Ngày nay, chúng ta đang mục kích nhiều mâu thuẫn nội bộ trong khối Cộng

## PHẦN II. Chính Đề Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

Sản. Nhưng lý do, phát sinh những mâu thuẫn này, cũng tương tự và đương nhiên, như những lý do, phát sinh những mâu thuẫn, đang nói trên kia, trong xã hội Tây phương. Tuy nhiên, sự kiện, các mâu thuẫn này, có phải hay không phải là đặc tính của xã hội tư bản, không quan hệ.

Điều quan hệ là sự có mặt của các mâu thuẫn ấy.

### **Nội tuyến**

Điều kiện thứ hai là trong thời kỳ, cuối thế kỷ 18 sang đầu thế kỷ 19, xã hội Tây phương trải qua một cuộc khủng hoảng vô cùng trầm trọng, do chính các phát minh khoa học và kỹ nghệ gây ra. Các phát minh khoa học và kỹ nghệ là những lực lượng sản xuất mới, đã được đưa vào và áp dụng, một cách quá đột ngột, trong một xã hội chưa sẵn sàng để đón nó, vì các cơ cấu vẫn còn giữ một lối tổ chức, theo nề nếp cũ, của một xã hội thủ công nghiệp. Bất cứ xã hội nào, trong hoàn cảnh đó, cũng bị một cuộc khủng hoảng như vậy.

Sự kiện này đã mang đến sự ly khai giữa các quần chúng và các nhà lãnh đạo trong xã hội Tây phương, vì những hậu quả mà chúng ta không cần biết chi tiết ở đây, của các phát minh nói trên. Cuộc khủng hoảng trầm trọng đến nỗi, tất cả tầng lớp xã hội đều bị ảnh hưởng của cuộc chấn động. Và nhiều nhà triết học đã phải nghĩ đến một cuộc cải cách xã hội toàn diện, để cho các cơ cấu ăn khớp với những lực lượng sản xuất mới. Trong số đó, Engels, và Karl Marx là danh tiếng hơn cả. Như vậy, chúng ta thấy rõ rằng, lý thuyết Các-Mác, trước tiên là một phương thuốc do một số người Tây phương đề nghị, để chữa bệnh cho xã hội Tây phương, trong một cơn khủng hoảng.

Vì lý do nào mà thuyết ấy trở thành căn bản tư tưởng chiến đấu của Nga Sô, một quốc gia đang dần thân vào một cuộc chiến đấu sống chết với Tây phương?

Trước hết các nhà lãnh đạo Cộng Sản nhận thức rằng tình trạng của xã hội Tây phương, lúc bấy giờ, sẽ là tình trạng, có lẽ, dưới một hình thức còn trầm trọng hơn, của xã hội họ, một khi, trong khuôn khổ công cuộc Tây phương hóa mà họ đang chủ trương, họ sẽ đưa vào xã hội Nga Sô các lực lượng sản xuất mới, vừa nói trên kia. Như thế thì, thái độ hợp lý không phải là thụ nhận ngay, và trước cả Tây phương, những tư tưởng và phương pháp xây dựng một xã hội thích hợp với các lực lượng sản xuất mới do khoa học phát minh sao? Bởi vì, như thế, thì Nga sẽ chắc chắn đi trước và thắng Tây phương.

Trên đây là một lý do xây dựng cho xã hội Nga Sô.

Nhưng còn một lý do khác, thuộc lãnh vực chiến thuật, trong cuộc chiến đấu với Tây phương. Lý do nào đã nặng hơn?

Điều đó khó mà biết được. Chỉ biết rằng cả hai lý do đều có, nếu chúng ta nhận xét ở các diễn biến, tiếp theo sau, của cuộc chiến đấu.

Đang lúc xã hội Tây phương có sự rạn nứt giữa cấp lãnh đạo và quần chúng, tạo ra một tình trạng thuận lợi để cho cách mạng bùng nổ, thì bất cứ người nào chủ trương một lý thuyết, mang nhiều hứa hẹn tương lai cho đời sống của quần chúng Tây phương, chắc chắn sẽ được quần chúng Tây phương hưởng ứng. Nếu người chủ trương là Nga Sô thì, quần chúng Tây

PHẦN II. Chính Đề Việt Nam – **07. VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

phương, một khi đã hưởng ứng, sẽ biến thành một khối đồng minh vô giá, của Nga Sô ở ngay trong lòng kẻ địch của họ. Thật là một mưu tính thâm và cao.

Do hai lý do vừa kể trên, thuyết Cộng Sản, một sản phẩm của Tây phương, đã đương nhiên biến thành một lợi khí, trong tay của Nga Sô, để đánh lại Tây phương trên hai mặt, trong và ngoài.

Thuyết Cộng Sản có thích nghi cho một xã hội kỹ nghệ hóa hay không? Chúng ta khó trả lời câu hỏi này mà khỏi lọt vào một cuộc luận chiến trường kỳ vô tận, cũng như mỗi khi chúng ta đặt cuộc tranh luận vào lĩnh vực triết lý. Nhưng một điều mà chúng ta có thể làm được, với những thực tế của lịch sử làm căn bản là xem xã hội Tây phương đã vượt qua những giai đoạn nào, sau khi đã từ chối thuyết Cộng Sản.

Dầu sao, tính toán chiến thuật của các nhà lãnh đạo Nga Sô, như trên đây đã trình bày, thật sự, đã mang đến cho họ, những kết quả ngoài sự mong mỏi. Sau khi Nga Sô đã tuyên bố tự nhận mình là thành trì của thuyết Các-mác, là quốc gia lãnh đạo cuộc cách mạng xây dựng xã hội Cộng Sản, tất cả các đảng Cộng Sản, ở các quốc gia Tây phương, đương nhiên, biến thành những đồng minh chiến đấu của Nga Sô.

Hơn thế nữa, quần chúng Tây phương, đang chống đối với các thiêu số lãnh đạo của mình, cũng hướng về Nga Sô như hướng về một người giải phóng. Do đó, nước Nga, với những vũ khí vật chất và trong thời kỳ cực thịnh của họ về kỹ thuật, chưa bao giờ đã gây được trong xã hội Tây phương những chấn động kinh khủng, như lúc bấy giờ, với một vũ khí tinh thần và trong một thời kỳ kém hẳn Tây phương về kỹ thuật và khoa học.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Tây phương đã đủ già tay ấn để dẫn dắt xã hội Tây phương vượt qua được các cơn sóng gió. Sự phát triển, vẫn hùng mạnh, trong xã hội Tây phương hiện nay, chứng minh rằng xã hội này, đã vượt qua cơn khủng hoảng và đã xây dựng được những cơ cấu xã hội thích nghi với các lực lượng sản xuất mới, mà không cần phải áp dụng phương thuốc Cộng Sản. Như vậy, chúng ta không cần phải thảo luận về tính cách, thích nghi hay không, của một xã hội Cộng Sản đối với các lực lượng sản xuất kỹ nghệ và đối với một khoa học kỹ thuật tiên bộ. Chúng ta chỉ cần nhận xét rằng, trong thực tế, đã có một hình thức xã hội khác thích nghi, một cách hữu hiệu, với các lực lượng đó.

Và chính từ lúc Tây phương đã tìm được các phương thuốc xã hội, khác hơn những phương thuốc Cộng Sản, để chữa cơn khủng hoảng nội bộ của mình, thì, từ lúc đó, thuyết Cộng Sản đã thấy hấp lực của mình, ngày càng suy giảm đối với quần chúng Tây phương. Đây là nguyên do chính của sự khủng hoảng nội bộ của các đảng Cộng Sản Tây phương hiện nay. Thuyết Cộng Sản không còn lý do tồn tại nữa, trong một xã hội đã được lãnh mạnh hóa, và đã được cải tạo theo một chiều hướng thích nghi với các lực lượng sản xuất đã gây ra cuộc khủng hoảng. Và ngày nay, điều này rất đổi quan hệ cho chúng ta, sự bang giao giữa Nga Sô và các cường quốc Tây phương không còn đặt trên lĩnh vực lý thuyết nữa, như trước đây ba mươi năm. Sự bang giao này chỉ là một sự bang giao thông thường đặt trên những mâu thuẫn của các cường quốc với nhau.

## PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

### **Hợp tung**

Bây giờ chúng ta đến điều kiện thứ ba đã giúp cho Nga Xô thành công trong việc quan niệm và áp dụng một chiến lược thế giới để đương đầu với khối Tây phương đang ngự trị hoàn cầu.

Chính vì Tây phương đã chiếm gần hết thế giới, nên khắp thế giới, chỗ nào Tây phương cũng có kẻ thù. Vì thế cho nên, hợp tung tất cả kẻ thù của Tây phương vào trong một mặt trận, bao phủ địa cầu sẽ tăng cường hiệu quả của chiến lược của các nhà lãnh đạo Nga Xô. Một mặt khác, các lãnh tụ các quốc gia bị xâm chiếm, sau nhiều năm chiến đấu vô hiệu quả, và nhiều phen thất bại đau đớn, cũng đã lần lần nhận thấy rằng muốn chiến thắng một kẻ thù, mà nanh vuốt bao trùm khắp thế giới, thì một cuộc chiến đấu, giới hạn trong khuôn khổ một quốc gia, không làm sao đưa đến kết quả được. Vì lý do này, mà lời kêu gọi Đồng Minh của Nga Xô để chống kẻ thù chung, là Tây phương, được rất nhiều nhà lãnh đạo quốc gia hưởng ứng, một cách thành thật và nồng nhiệt. Hầu hết các nhà lãnh đạo các quốc gia bị Tây phương xâm chiếm đều qui tụ dưới lá cờ Cộng Sản của Nga Xô. Chỉ có một số nhà lãnh đạo sáng suốt, đã soi thấu thâm ý chiến lược của Nga Xô, mới từ chối lời kêu gọi đồng minh của Nga. Trong số này, có Gandhi và Nehru của Ấn Độ.

Chúng ta vừa thấy, do đường ngõ nào, mà lý tưởng tranh đấu Cộng Sản đã chuyển từ Nga Xô sang các quốc gia đã bị thuộc địa hóa, nhất là các thuộc địa ở Á châu. Bởi vì trong số các thuộc địa, các quốc gia này là những quốc gia đã có một nền văn minh cổ truyền, một cơ cấu xã hội vững chãi, khả dĩ huy động một sức đề kháng đáng kể, đối với Tây phương. Vì vậy mà Cộng Sản quốc tế đặc biệt chú trọng đến Á Châu. Chúng ta cũng vừa thấy cơ thức, theo đó, lý tưởng tranh đấu Cộng Sản, mà mục đích nguyên thủy là một cuộc cách mạng xã hội tại Tây phương, để xây dựng một trật tự mới thích hợp với các lực lượng sản xuất do những phát minh khoa học tạo ra, sang Nga, đã biến thành một lợi khí vừa để lũng đoạn nội bộ Tây phương vừa để phát triển dân tộc, và sang Á Đông, biến thành một lợi khí tranh đấu để giải phóng các dân tộc bị đế quốc thống trị. Khác với các tác phẩm của Các-mác, các tác phẩm của Lê-nin đề cập nhiều đến các thuộc địa của đế quốc, nhất là các thuộc địa Á châu, vì những lý do trên đây.

Sự đồng minh giữa các nhà lãnh đạo Nga Xô và các nhà lãnh đạo Á Đông, không vì sự khác biệt giữa hai mục đích, mỗi bên đang riêng theo đuổi, mà kém chặt chẽ và kém hiệu quả. Bởi vì lý do phát sinh và tồn tại của sự liên kết là chống Tây phương, kẻ thù chung.

Các nhà lãnh đạo Á Đông còn bị lôi cuốn vào cuộc đồng minh bởi một lý do thứ hai. Lý thuyết Các-mác đem đến cho các nhà lãnh đạo này một kiểu mẫu xã hội tiên chế mệnh danh là một xã hội thích nghi với lực lượng sản xuất mới do khoa học đẻ ra. Chính vì lý do này, một phần mà các nhà lãnh đạo Nga Xô đã thấu nhận một lý thuyết Tây phương làm một lý thuyết tranh đấu cho dân tộc Nga.

Trên kia chúng ta đã nêu câu hỏi: kiểu mẫu xã hội tiên chế đó có thật thích nghi với các lực lượng mới không? Và chúng ta đã từ chối không trả lời, chỉ nhận xét rằng, trong thực tế, đã có một hình thức xã hội khác thích nghi, một cách hiệu quả, với các lực lượng đó. Hình thức nào thích nghi hơn? Còn lâu lắm các sử gia mới trả lời được. Chỉ biết rằng hình thức xã hội



## PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

Cộng Sản không thể giữ độc quyền tổ chức nhân loại. Và chỉ biết rằng hình thức xã hội Cộng Sản chưa hoàn thành và còn trong thời kỳ mò mẫm xây dựng. Trái lại, hình thức xã hội Tây phương cải tạo, đã thành hình và đang phát triển hùng mạnh.

Cũng trong phạm vi này, một nhận xét khác rất quan hệ cho chúng ta vì nó làm cho vấn đề thêm sáng tỏ. Các quốc gia, đã và đang, tìm phát triển dân tộc bằng cách Tây phương hóa, trong đó có cả Nga Sô, và Trung Cộng, đều, đã và đang nỗ lực thâm nhập kỹ thuật Tây phương. Như thế thì, trong lĩnh vực kỹ thuật tổ chức xã hội, cũng như trong tất cả mọi lĩnh vực kỹ thuật, nếu cần phải học hỏi, thì đương nhiên là nên học hỏi trực tiếp với Tây phương, hơn là học hỏi với những người, đã và đang, học hỏi với Tây phương. Như thế, ngoài sự từ chối không làm học trò hạng nhì, chắc chắn chúng ta còn tránh được nhiều lỗi lầm của người học trò hạng nhất, ví dụ như “cái nhảy vượt bậc” và “phong trào nhân dân công xã” của các nhà lãnh đạo Trung Cộng.

Với thời gian qua, và nhờ ánh sáng của những sự kiện lịch sử đã xảy ra, từ lúc mới chớm nở cuộc Đồng Minh, giữa Nga Sô và các quốc gia bị thuộc địa hóa, đến ngày nay, chúng ta có thể có hai nhận xét căn bản, có ảnh hưởng nhiều đến đường lối của dân tộc sau này.

### **Hai nhận xét**

Trước hết, mục đích giải phóng dân tộc, và hoàn cảnh bi đát của các phong trào kháng chiến quốc gia lúc bấy giờ, có thể đề thuyết minh cho sự liên kết với Nga Sô của các lãnh tụ Á Đông. Mạnh hơn nữa, chúng ta có thể quả quyết rằng con đường liên kết với các lãnh tụ Nga Sô, lúc bấy giờ, là con đường có nhiều bảo đảm trong giai đoạn tranh giành độc lập cho dân tộc. Nhưng, chúng ta cũng không nên quên rằng, có nhiều nhà lãnh đạo, nhìn thấu thâm ý chiến lược của Nga Sô, như Gandhi và Nehru, đã từ chối sự liên kết trên, nhưng vẫn đạt đến kết quả giải phóng dân tộc của họ. Và, một chủ trương đã đúng trong một giai đoạn, không phải vì đó, mà sẽ đúng trong tất cả các giai đoạn. Nghĩa là, sau khi độc lập đã khôi phục, dân tộc chuyển sang giai đoạn phát triển, bằng cách Tây phương hóa toàn diện, chính sách Cộng Sản, nghĩa là đường lối và phương pháp Cộng Sản có còn thích hợp không?

Nếu có những nước, như Nga Sô, đã thực hiện được công cuộc phát triển bằng đường lối Cộng Sản, thì cũng có những nước, như Nhật Bản, thực hiện được công cuộc phát triển, với một trình độ không kém, bằng một đường lối không Cộng Sản. Chúng ta, sau này, sẽ bàn đến sự thích nghi hay không của đường lối Cộng Sản trong giai đoạn phát triển dân tộc của chúng ta. Nay chỉ cần ghi nhớ một điểm là, ít ra cũng có một đường lối khác để phát triển dân tộc, không kém hiệu quả hơn đường lối Cộng Sản.

Có thể có người nói rằng, nếu Việt Nam không theo đường lối Cộng Sản thì Trung Cộng đã không giúp cho phương tiện để chiến thắng ở Điện Biên Phủ. Về sự viện trợ của ngoại quốc, chúng ta sẽ đề cập đến một cách chi tiết dưới đây. Nay, giải đáp thắc mắc trên đây chúng ta có thể nói rằng thời kỳ Điện Biên Phủ vẫn còn nằm trong giai đoạn tranh giành độc lập. Và lại Trung Cộng giúp khí giới, kỹ thuật và phương tiện cho Việt Nam chiến thắng vì Trung Cộng thân Việt Nam hơn là bài Mỹ hay là bài Mỹ hơn thân Việt Nam? Và khi viện trợ như vậy, Trung Cộng xem Việt Nam là một đồng chí Cộng Sản hay là một phần đất cũ xưa kia, và nay sắp sửa được gôm thâu vào lãnh thổ của họ?

## PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

Nhận xét căn bản thứ hai là như sau đây.

Trong cuộc đồng minh giữa Nga Sô và các quốc gia Á Đông bị Tây phương thống trị, Nga Sô theo đuổi trước hết và trên hết mục đích phát triển dân tộc của mình. Trong khi đó các quốc gia Á Đông lại theo đuổi trước hết và trên hết mục đích giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đế quốc thực dân.

Sự khác biệt mục đích này đã đưa đến hai hậu quả đương nhiên. Khi nào có những biến cố xảy ra cho các đảng Cộng Sản bạn, làm cho những đảng này cần sự giúp đỡ sẽ không đến. Trường hợp này đã xảy ra rất nhiều lần, và thái độ của Staline đối với đảng Cộng Sản Trung Hoa trong thời kỳ bí cực là rõ rệt hơn cả. Bởi thế cho nên, mặc dầu có một cuộc liên minh, quốc tế và trên lý tưởng, vì kẻ thù chung, nhưng quyền lợi của dân tộc là trên hết. Điều này chúng ta nên khắc sâu vào tâm não.

Hậu quả thứ hai là, khi nào một bên đã đạt được mục đích rồi, thì sự đồng minh không còn lý do tồn tại nữa, trừ ra nếu có những lý do chính trị do hoàn cảnh đương thời tạo nên. Ngày nay, Nga đã đạt được mục đích phát triển dân tộc, thì lý do của cuộc đồng minh, đối với Nga, đã giảm giá đi rất nhiều. Nếu Nga còn thấy cần đồng minh nữa, thì cũng chỉ vì cuộc chiến đấu cô truyền với Tây phương vẫn tiếp tục, chứ không phải vì một lý tưởng. Ngày nào cuộc tranh đấu này đi vào một thời kỳ êm dịu, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, thì lý do đồng minh, đối với Nga, sẽ không còn nữa.

Những sự kiện trên đây giải thích một phần rất lớn, vừa những mâu thuẫn xảy ra giữa Nga và các đảng Cộng Sản Á châu, vừa những sự xung đột giữa Nga và Trung Cộng.

Như vậy là chúng ta đã xét qua ba điều kiện đã giúp cho Nga Sô chuyển cuộc tranh đấu cô truyền với Tây phương trong phạm vi quốc gia, thành một cuộc tranh đấu vĩ đại, trong đó Nga Sô đã huy động được, vừa lớp người bất mãn, trong nội bộ của Tây phương, vừa kẻ thù, khắp thế giới, của Tây phương để nỗ lực đánh bại Tây phương.

Và Tây phương suýt bị đánh bại thật.

Nếu trong trận đại chiến thử hai vừa qua, mà Nga Sô, vì một lẽ gì, đứng 'được ngoài cuộc chiến tranh, thì, ngày nay cuộc diện thế giới đã chuyển theo một chiều khác vô cùng thắng lợi cho Nga Sô. Đại chiến thử hai cũng như đại chiến thử nhất, trước tiên, là cuộc chiến tranh, giữa các cường quốc Tây phương, để thanh toán những mâu thuẫn nội bộ với nhau.

Lúc đầu của cuộc đại chiến, Nga Sô đã vận dụng nỗ lực để đứng ngoài chiến trận. Đó là một thái độ khôn ngoan nhất, vì, nếu để hai phe, đồng minh và trực, tiêu diệt lực lượng lẫn nhau đến kiệt quệ, thì sau đó, với lực lượng nguyên vẹn của mình, Nga Sô sẽ nắm bá quyền Âu châu và ngày nay Tây phương sẽ yếu thế hơn nhiều.

Vì vậy mà, đứng về quan điểm Tây phương, theo đó, Nga là một kẻ thù cô truyền, sự tấn công, vào đất Nga của Đức Quốc Xã, là một hành động hợp lý. Và phe đồng minh liên kết với Nga là một hành động phản lịch sử, chỉ do những nhu cầu nhất thời về chính trị quyết định. Và chắc chắn là, sau này trong lịch sử tranh đấu giữa Nga và Tây phương, hành động của Đức Quốc Xã sẽ được ghi nhớ là một công trạng đối với Tây phương. Bởi vì chính là

## PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

nhờ ở sự tấn công Nga, làm cho Nga phải tiêu hao lực lượng nên sau khi chiến tranh chấm dứt, sự quân bình giữa Tây phương và Nga mới còn được như ngày nay.

Đi sâu vào hơn một chút nữa, mặc dù Nga đã tiêu hao lực lượng rất nhiều, áp lực của Nga có thể, đối với Tây phương, sau khi chiến tranh chấm dứt, còn mạnh mẽ hơn nhiều, nếu Tây phương chưa phát minh và chế ngự được nguyên tử năng. Sự phát minh này đã đưa kỹ thuật của Tây phương lên một trình độ vượt hẳn kỹ thuật của Nga Sô. Và chính vì sự chênh lệch đó mà Nga Sô đã phải giảm hạ áp lực thật sự của mình đi rất nhiều. Chỉ sau đó nhiều năm, khi, nhờ sự đóng góp kỹ thuật của Đức, Nga bắt kịp Tây phương về nguyên tử năng, thì, lúc bấy giờ, áp lực của Nga mới trở thành mạnh mẽ và đi đến thế quân bình ngày nay. Và nhờ khoảng thời gian mấy năm đó, mà các cường quốc Tây Âu mới băng bó các vết thương chiến tranh, hưng vượng lại được và phát triển theo một đà mới, như chúng ta đã thấy ngày nay.

### **Cơ hội**

Đòi với các quốc gia bị Tây phương thống trị, các biến cố xảy ra đã tạo nên một cơ hội hiếm có không ngờ. Giả sử mà mâu thuẫn nội bộ giữa các quốc gia Tây phương không gay gắt đến nỗi xảy ra chiến tranh, thì Nga Sô sẽ không lợi dụng cơ hội mà tăng cường ảnh hưởng của mình được. Đã như thế thì các thuộc địa sẽ chưa được giải thoát. Giả sử mà chiến tranh có xảy ra thật, nhưng các cường quốc Tây phương đều nhận thức, theo như Đức, rằng chính Nga mới là kẻ thù chính tông và kịp thời, thỏa hiệp Đức, để quay tất cả lực lượng về đánh Nga, như nhiều lần Đức đã đề nghị, thì kết quả cũng sẽ tương tự như trường hợp trên.

Giả sử mà sau đại chiến thứ hai, các cường quốc Tây phương chưa phát minh được nguyên tử năng, thì áp lực và ảnh hưởng của Nga đã lan tràn khắp Tây Âu. Thế lực của Nga trên thế giới lấn át thế lực của Tây phương. Tây phương sẽ thu hẹp vòng kiểm soát của họ lại nơi khu vực Bắc Mỹ và một vài nơi khác trên thế giới, như Úc châu và Nam Phi, thì các thuộc địa sẽ rơi từ vòng thống trị của Tây phương sang vòng thống trị của Nga Sô. Công cuộc giải thoát dân tộc chưa chắc đã thực hiện được, công cuộc phát triển thì quả quyết là xa vời hơn nữa.

Đằng này, các biến cố đã thật sự xảy ra đều không nằm vào một trong ba trường hợp trên. Nga không bị dồn vào một thế yếu quá, mà cũng không lấn áp được địch thủ. Tây phương không chế ngự được địch thủ, nhưng cũng không bị địch thủ chế ngự. Chính sự thế hai bên đồng sức và kinh chống nhau đó đã tạo ra cho chúng ta, nghĩa là cho các quốc gia bị thống trị, hoặc các quốc gia đang tìm phát triển, cơ hội duy nhất từ một thế kỷ, để phục hồi độc lập và phát triển dân tộc.

Vì cuộc tranh chấp giữa Nga Sô và Tây phương dừng vào một giai đoạn quyết liệt, bên nào cũng nỗ lực tìm đồng minh, cho nên một mặt Tây phương lần hồi trả độc lập lại cho các nước bị trì, giúp đỡ phương tiện phát triển bằng Liên Hiệp Quốc, bằng kế hoạch Colombo, bằng viện trợ trực tiếp, v.v.. Một mặt khác cũng với mục đích tìm đồng minh, Nga đã giúp đỡ các cuộc chiến tranh giải phóng và cũng giúp đỡ phương tiện phát triển cho nhiều quốc gia.

PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – **07. VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)**

Từ hai mươi năm nay, từ ngày đại chiến thứ hai chấm dứt, chính trị thế giới giữa hai khối, tự do và Cộng Sản, đều do các sự kiện trên đây quyết định. Sự viện trợ cho các cường quốc Tây Âu theo kế hoạch Marshall sự phục hưng Tây Đức và Nhật Bản, sự viện trợ cho các quốc gia vừa độc lập, tất cả đều nằm trong một kế hoạch hoàn cầu của Tây phương để liên kết các đồng minh, trong một chiến lược vĩ đại bao vây Nga Xô. Đối lại, sự giúp đỡ cho Trung Hoa phát triển, sự viện trợ cho các quốc gia chống Mỹ như Cuba, tất cả đều nằm trong một chiến lược hoàn cầu của Nga Xô để phá vòng vây. Cho đến các phát minh về không gian cũng được dùng vào việc liên kết đồng minh trong cuộc chiến đấu vĩ đại giữa Tây phương và Nga Xô.

Đối Với Các quốc gia, trước kia đã bị bán thuộc địa hóa, hay bị thuộc địa hóa, các sự kiện trên thật không phải là một cơ hội hiếm có, vô cùng quý báu hay sao? Tự nhiên độc lập được phục hồi và tự nhiên được viện trợ để phát triển.

Cho đến ngày nay, bao nhiêu quốc gia đã nắm được cơ hội để phát triển? Chúng ta chỉ thấy có Trung Hoa.

Việt Nam nắm được cơ hội chưa?

Việt Nam chúng ta trong hai mươi năm nay, chẳng những chưa lợi dụng được mâu thuẫn nói trên đây, giữa Tây phương và Nga Xô, để phát triển dân tộc, lại còn bị lọt vào cái vòng mâu thuẫn đó. Do đó, chẳng những chúng ta không phát triển được, lại còn bị tiêu hao nhân lực và tài lực đến một mức độ rất đáng lo ngại.

Nếu lần này, các nhà lãnh đạo dân tộc lại làm sẩy cơ hội thứ hai này nữa, thì, dựa theo kinh nghiệm thất bại lần trước, chúng ta cũng có thể đoán được hoàn cảnh nào đang chờ đợi dân tộc chúng ta. Và trách nhiệm thất bại, mà thế hệ chúng ta phải mang, đối với các thế hệ sau này, sẽ vô bờ bến.

Một cơ hội hiếm có như vậy, lại đã kéo dài trong hai mươi năm, mà chúng ta chưa nắm được. Các nhà lãnh đạo dân tộc hiện nay, xem thế cũng phải lấy làm khiếp đảm và tự khiển trách đến cực độ. Nếu chúng ta lại còn lỡ cơ hội nữa, thì các nhà lãnh đạo hiện nay sẽ mang nặng, đối với dân tộc, một lỗi lầm không có gì tha thứ được.

Các nhà lãnh đạo, phía Nam và phía Bắc, của chúng ta đã nhận thức tình trạng, vô cùng nguy ngập và khẩn cấp cho chúng ta, như trên đây đã trình bày chưa? Nếu chúng ta, căn cứ trên các biến cố xảy ra từ hai mươi năm nay, và nhất là từ mười năm nay, chúng ta phải thú nhận rằng chưa có một triệu chứng gì bảo đảm cho chúng ta rằng, nguy cơ đang đe dọa dân tộc đã được các nhà lãnh đạo, phía Nam và phía Bắc, ý thức.

Chúng ta sống ở phía Nam, nên trong hai mươi năm vừa qua, có mấy dịp nhận thấy rằng các nhà lãnh đạo, liên tục kế tiếp nhau thọ lãnh trách nhiệm về vận mạng của quốc gia, chưa có lúc nào tỏ ra nhìn thấy vấn đề căn bản mà dân tộc cần phải giải quyết trong giai đoạn này. Đã không nhìn thấy vấn đề căn bản, thì cố nhiên là không nhìn thấy tình trạng vô cùng nguy ngập đang đe dọa dân tộc.

Đối với các nhà lãnh đạo phía Bắc, nghiên cứu các sáng tác về chính trị cũng như các hành động chính trị của họ, chúng ta công nhận rằng, nhờ sự nghiệp nghiên cứu các thực tế lịch

## PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

sử của Cộng Sản quốc tế, vấn đề căn bản của dân tộc có thể đã được họ nhìn thấy rõ hơn. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Nga Xô đã sử dụng thuyết Cộng Sản như là một lợi khí để chiến đấu với Tây phương, như chúng ta đã nhận thức trong các trang trên đây và chính Mao Trạch Đông đã viết câu sau đây về thuyết Cộng Sản.

*“Sở dĩ chúng ta nghiên cứu thuyết Các-mác không phải vì luận điệu tốt đẹp của nó, cũng không phải vì nó đựng một phép thần diệu để trừ ma quỷ. Nó không đẹp, nó cũng không thần diệu. Nó chỉ ích lợi. Có nhiều người cho nó là thần dược trừ bá chứng. Chính những người này đã xem thuyết Các-mác là một giáo lý. Phải nói cho những người này hiểu rằng giáo lý của họ không có ích lợi bằng phân bón. Phân bón còn làm giàu ruộng đất, giáo lý không làm được việc đó.”*

Nghĩa là các lãnh tụ tối cao của khối Cộng Sản đều xem thuyết Cộng Sản là một phương tiện. Họ chế ngự phương tiện tinh thần đó – do Tây phương phát minh ra – cũng như những phương tiện vật chất khác của Tây phương. Ngược lại, các sáng tác chính trị của các nhà lãnh đạo phía Bắc, lại chứng tỏ rằng, những người lãnh đạo này còn đang say mê thuyết Cộng Sản và đương nhiên tôn nó lên hàng một chân lý. Đưa một phương tiện chiến đấu của người, lên làm một chân lý của mình, là mặc nhiên hạ mình xuống thấp hơn một bậc đối với các lãnh tụ Cộng Sản quốc tế và tự biến mình thành một thứ nô lệ trí thức để cho người sử dụng. Vì vậy cho nên, trong nhiều hành động chính trị của các nhà lãnh đạo phía Bắc, lý thuyết Cộng Sản được đề lên trên quyền lợi của dân tộc, điều ấy chứng tỏ rằng, trong lĩnh vực ngoại giao giữa các quốc gia, họ tin rằng một sự đồng minh về lý thuyết có thể đặt trên quyền lợi của dân tộc.

Do các lý lẽ trên đây chúng ta có thể quả quyết rằng các nhà lãnh đạo phía Bắc vẫn chưa nhận thức nguy cơ đang đe dọa dân tộc và những ngày đen tối của chúng ta vẫn còn tiếp tục.

### **Cơ hội thứ hai đã mất chưa?**

Ngày nay chúng ta đã lỡ cơ hội thứ hai để phát triển dân tộc chưa?

Như ta đã thấy cơ hội nói trên được tạo ra do những mâu thuẫn phát sinh từ một cuộc tranh đấu giữa Tây phương và Nga Xô. Vậy cơ hội sẽ mất trong hai trường hợp:

1. Mâu thuẫn vẫn còn, nhưng chiến lược hai bên đều thay đổi, cho nên sự liên kết đồng minh không cần thiết nữa.
2. Mâu thuẫn không còn.

Trong cuộc tranh đấu hiện nay giữa Tây phương và Nga Xô, Tây phương do Mỹ lãnh đạo về quân sự và Anh, Mỹ lãnh đạo về đường lối.

Trên phương diện quân sự, chiến lược của Mỹ không phải là một chiến lược tấn công, nhưng là một chiến lược phản công kịp thời bằng vũ khí nguyên tử, ngay vào các trung tâm chiến lược của Nga Xô. Do đó, và bởi vì lúc đầu của giai đoạn hiện tại của cuộc tranh đấu, tầm hoạt động của phi cơ, phi đạn đều có giới hạn cho nên Mỹ cần một số căn cứ chiến lược bao quanh Nga Xô từ Âu sang Á. Đó cũng là nguyên nhân của công cuộc Mỹ viện trợ các nước không phải là Tây phương. Nơi nào Mỹ đóng căn cứ là nơi đó Mỹ viện trợ. Sau đó khi

## PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 07. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

bộ máy viện trợ đã thành và chạy đều, nhiều sự kiện chính trị hay kinh tế chiến lược khác cũng thành những lý do viện trợ.

Để phá vòng vây của Mỹ, Nga cũng viện trợ cho các quốc gia đó, để cho sự cần thiết đối với Mỹ kém đi thì các quốc gia liên hệ có thể từ chối không cho Mỹ đặt căn cứ trên lãnh thổ mình. Đồng thời Nga Sô nỗ lực chế các loại phi đạn có tầm hoạt động xa để bắn tới các trung tâm chiến lược của Mỹ.

Các quốc gia tốt số đó, được hai bên ưu đãi và nếu ý thức được vấn đề căn bản của mình, thì dùng viện trợ đó để phát triển dân tộc.

Vì Mỹ có căn cứ ở gần Nga Sô, mà Nga Sô không có căn cứ ở gần Mỹ cho nên Nga Sô mới dồn hết nỗ lực kỹ thuật và kỹ nghệ của mình vào việc sáng chế các phi đạn trường xạ trình liên lục địa và đã tiến bộ hơn Mỹ về điểm này. Và, đương nhiên, tiến bộ hơn Mỹ về không gian phi hành, bởi vì ngành này phải dùng loại phi đạn trường xạ trình. Mỹ ý lại vào các căn cứ đã có gần Nga Sô, nên không chú trọng đến các phi đạn trường xạ trình.

Tuy nhiên bởi vì sự tuyên truyền của Nga Sô, nên các căn cứ quân sự của Mỹ, ở các nơi trên thế giới, gây ra nhiều thất bại về chính trị, ví dụ, như ở Nhật, khi Tổng Thống Eisenhower sắp sửa sang viếng Đông Kinh năm 1960. Cân nhắc kỹ, cái lợi quân sự không bù cái hại về chính trị, cho nên Mỹ lại xoay sang chiến lược thay thế các căn cứ cố định trên đất liền, bằng những căn cứ phóng hỏa tiễn trung xạ trình, lưu động: Các tiềm thủy đình nguyên tử.

Trên phương diện quân sự, sự thay đổi chiến lược này, có nghĩa như là Mỹ đã tăng gia được tầm hoạt động của các phi đạn và không cần các căn cứ quân sự chung quanh Nga nữa.

Căn cứ không cần đặt, thì viện trợ sẽ rút. Khi nào số tiềm thủy đình nguyên tử của Mỹ lên đến số lượng đủ dùng để thay thế các căn cứ trên lục địa, thì viện trợ Mỹ sẽ chấm dứt.

Và cơ hội phát triển của các nước nghèo sẽ bớt đi nhiều.

Công cuộc rút này đã bắt đầu thi hành ở nhiều nơi. Tuy nhiên, nếu trường hợp này xảy ra, mâu thuẫn Nga Sô - Tây phương vẫn còn, và các nước nhỏ mặc dầu phát triển có khó khăn, nhưng vẫn còn có hy vọng phát triển và độc lập không đến nỗi bị đe dọa.

Đường lối của Tây phương, trong công cuộc chiến đấu với Nga Sô, do Anh, Mỹ lãnh đạo. Căn bản chính yếu của đường lối này, càng ngày càng bộc lộ rõ rệt. Các nhà lãnh đạo Tây phương nhận thức hai điều.

Trước hết lý do chính, vì đó mà Nga Sô đã dốc hết nhân lực và tài lực của mình vào công cuộc chiến đấu vĩ đại với Tây phương, là ý chí của Nga Sô để thực hiện công cuộc phát triển dân tộc.

Điều thứ hai là Nga Sô đã thực hiện được công cuộc phát triển dân tộc và nay trở thành một cường quốc mà sức mạnh và năng lực đáng được kính nể.

### **Đường lối của Tây phương**

Tất cả đường lối của Tây phương trong cuộc chiến đấu với Nga Sô đã được xây dựng từ trên hai nhận xét căn bản.

## PHẦN II. Chính Đền Việt Nam – 07. VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY (Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam)

Như chúng ta đã thấy, trong một giai đoạn trên đây bàn về nước Nga, nước Nga và Tây phương có một di sản tinh thần chung: Đạo Gia Tô. Nhưng Tây phương theo Gia Tô Tây phái, Giáo chủ ở tại La Mã; Nga Sô theo Gia Tô Đông phái, Giáo chủ lúc đầu ở Hy Lạp. Và hai nền văn minh Tây phương và Nga do đó có nhiều điểm giống nhau. Nhưng vì một sự kiện lịch sử, mà chúng ta đã biết, di sản tinh thần chung, có thời kỳ, có hiệu lực là một yếu tố liên hợp giữa hai bên, lại, có thời kỳ, có hiệu lực là một mầm chia rẽ.

Mặc dù phải võ trang đến cực độ và thù thế với nhau từng hành động và từng lời nói, đường lối của Tây phương hiện nay đối với Nga Sô là, kêu gọi đến tính cách liên hiệp của di sản tinh thần chung, mục đích đưa Nga trở về với xã hội Tây phương và khối người cùng một nền văn minh.

Tất cả nỗ lực ngoại giao của Tây phương đều hướng về mục đích trên, từ những hành động nhỏ nhất, của từng cá nhân, đến những trao đổi văn hóa và những hiệp ước thương mại hay quân sự, giữa Nga Sô và các quốc gia Tây phương.

Ví dụ, không phải tình cờ mà người Anh đặt tên cho vệ tinh đầu tiên sắp bắn lên quỹ đạo là “Britnik”. Nhưng mà là cố ý tỏ lòng thán phục những vệ tinh “Spoutnik” của Nga. “Brit” là British (của người Anh), “nik” để nhắc rằng những vệ tinh của loài người bắn lên không gian trước hết là của Nga Sô. Ngụ ý của sự lựa chọn trên, là để thỏa mãn lòng tự ái của Nga Sô lâu nay vẫn bị Tây phương xem là thấp kém, và nhắc nhở Nga Sô rằng Nga Sô và Tây phương đều cùng chung một nền văn minh.

Không phải tình cờ mà ông Paul Reynaud cựu Thủ tướng Pháp, trong cuộc thăm viếng nước Nga đã long trọng tuyên bố với Thủ tướng Krutchev: “Nếu các ông tiếp tục viện trợ cho nước Tàu, trong vài mươi năm nữa, một tỷ dân Trung Hoa sẽ đè bẹp các ông và Âu châu.”

Những sự hoan nghinh và tiếp rước nồng hậu các phi hành gia Nga, ở các kinh đô Tây phương, cũng hàm cùng một ý nghĩa. Những sự trao đổi về văn hóa và khoa học, trong hội nghị quốc tế, hay những cuộc viếng thăm của những phái đoàn văn nghệ của hai bên đều là những hành động có tính toán, chuân bị dư luận của hai bên, để dẫn dắt lần lần quần chúng của hai bên đến chỗ thông cảm với nhau.

Báo chí Tây phương không ngớt ca ngợi những thành tích khoa học và xã hội của Nga Sô và luôn luôn nhắc nhở đến những thời kỳ mà sự liên lạc giữa các nước Nga và Tây phương rất là thân hữu. Tất cả các hành động trên, trong tất cả các lĩnh vực, đều dọn đường để cho Nga Sô trở về với xã hội Tây phương.

Cuối cùng và quan hệ hơn hết, là những nỗ lực để phát huy di sản tinh thần chung. Sau khi đã ly khai với nhau trong nhiều thế kỷ, giáo chủ Gia Tô Tây phái ở Roma là Giáo Hoàng Gioan XXIII đã mời và tiếp kiến các vị giáo chủ Tin Lành và các vị giáo chủ Gia Tô Đông phái. Các báo chí Tây phương đều hết sức hoan nghinh những cuộc tiếp xúc trên, để chuẩn bị cho công cuộc thống nhất Gia Tô giáo.

Sự tổ chức Công Đồng Vatican I tiếp tục chính sách trên và thích hợp với một đường lối chính trị của Tây phương. Vì vậy cho nên, sau khi Gioan XXIII đã từ trần, thì dĩ nhiên Phao Lô VI sẽ tiếp tục chính sách trên và tổ chức Công Đồng Vatican II, trong đó, các giáo chủ các phái Gia Tô, ngoài Tây phái, đều được mời tham dự với tư cách là quan sát viên.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – **07. VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY** (*Phát triển dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam*)

Xem thế, chúng ta nhận thấy một cách rõ rệt, xuyên qua không khí phức tạp và rối rắm, của sự bang giao giữa hai khối, những nét chính yếu của đường lối Tây phương đối với Nga Sô.